

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiễn	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 20/01/2022
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Quý

Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Số: 40/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.052.621.526	197.779.901.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	34.541.134.760	94.713.074.829
1. Tiền	111		7.541.134.760	34.713.074.829
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	60.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.552.523.765	94.636.720.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	43.689.766.782	59.605.678.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	66.857.535.947	28.842.889.332
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.394.580.000	2.174.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.701.739.036	6.104.671.436
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.091.098.000)	(2.091.098.000)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	7.634.888.927	8.318.653.639
1. Hàng tồn kho	141		7.634.888.927	8.318.653.639
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		324.074.074	111.451.880
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		324.074.074	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	111.451.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.516.997.401	156.639.598.214
I. Tài sản cố định	220		12.401.100.901	11.523.701.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	12.385.209.868	11.487.083.267
Nguyên giá	222		96.114.454.469	93.164.634.339
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.729.244.601)	(81.677.551.072)
2. Tài sản cố định vô hình	227		15.891.033	36.618.447
Nguyên giá	228		124.364.500	124.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.473.467)	(87.746.053)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		145.115.896.500	145.115.896.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	145.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		317.569.618.927	354.419.499.514

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		151.084.663.602	187.774.829.758
I. Nợ ngắn hạn	310		151.084.663.602	187.774.829.758
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	10.213.797.193	29.803.627.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	126.984.656.267	143.339.356.762
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	574.314.591	1.822.014.346
4. Phải trả người lao động	314		-	2.925.344.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	7.675.000.000	3.500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	276.349.118	444.901.518
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	592.000.000	1.375.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	3.380.784.600	3.465.727.971
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.387.761.833	1.098.857.844
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.484.955.325	166.644.669.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	166.484.955.325	166.644.669.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.000.000.000	72.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.071.657.587	63.071.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.360.589.558	10.520.303.989
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.360.589.558	10.520.303.989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		317.569.618.927	354.419.499.514



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	64.601.262.364	39.200.637.621
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.601.262.364	39.200.637.621
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	60.173.459.176	31.678.303.117
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.427.803.188	7.522.334.504
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	6.937.906.799	9.104.615.135
6. Chi phí tài chính	22	4.20	40.760.970	51.301.645
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.070.000</i>	<i>37.610.675</i>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	3.903.829.703	4.736.281.379
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.421.119.314	11.839.366.615
9. Thu nhập khác	31	4.22	240.867.273	1.999.043.775
10. Chi phí khác	32	4.23	34.695.900	480.684.800
11. Lợi nhuận khác	40		206.171.373	1.518.358.975
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.627.290.687	13.357.725.590
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	266.701.129	966.648.437
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.360.589.558	12.391.077.153



Lê Văn Quy
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Hàu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.627.290.687	13.357.725.590
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	2.515.278.086	2.268.414.010
Các khoản dự phòng	03		(84.943.371)	(700.000.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.117.906.799)	(9.559.160.590)
Chi phí lãi vay	06	4.20	27.070.000	37.610.675
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.966.788.603	5.404.589.685
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.515.802.813)	1.528.956.879
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		683.764.712	(13.911.474.391)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35.824.111.200)	(12.872.264.803)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(324.074.074)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.070.000)	(37.610.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(442.264.823)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(31.400.000)	(102.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.514.169.595)	(19.990.543.305)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.392.677.273)	(2.580.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.744.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(220.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	120.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.19	6.937.906.799	9.104.615.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.325.229.526	8.389.160.590

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	410.000.000	1.439.116.842
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(1.193.000.000)	(390.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.16.4	(7.200.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.983.000.000)	(16.950.883.158)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(60.171.940.069)	(28.552.265.873)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		94.713.074.829	34.988.342.863
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	34.541.134.760	6.436.076.990



Lê Văn Quy
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Hâu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 17 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 72.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 57 (31/12/2021: 55).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:				
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:				
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,259%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	100,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	6.101.510	42.425.505
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.535.033.250	34.670.649.324
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	34.541.134.760	94.713.074.829

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,2% đến 4%.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	-	607.464.000.000	110.775.469.000	-	551.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	34.340.427.500	-	42.962.400.000	34.340.427.500	-	59.670.000.000
Cộng	145.115.896.500	-	650.426.400.000	145.115.896.500	-	611.320.000.000

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/6/2022.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.28	653.935.000	10.286.340.454
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	5.284.612.689	212.046.061
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	12.989.784.563	18.669.775.635
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
BQL DA Nâng cao AT Đập Dự án WB8 Đặc lặc	5.045.344.000	1.258.489.000
Phải thu các đối tượng khác (*)	15.069.152.582	24.532.089.086
Cộng	43.689.766.782	59.605.678.184

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải thu các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28 (*)	39.276.886.555	15.737.757.331
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng (**)	17.822.426.000	3.603.283.000
Các nhà cung cấp khác (***)	9.758.223.392	9.501.849.001
Cộng	66.857.535.947	28.842.889.332

(*) Trả trước cho người bán là các bên liên quan, bao gồm:

- Khoản trả tiền trước cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng liên quan đến việc bán bê tông trộn sẵn theo Hợp đồng cung cấp vật tư số 152-03/2022/HĐKT ngày 04 tháng 01 năm 2022.
- Khoản trả tiền trước cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(**) Trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022.

(***) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	6.554.140.139	-	5.913.146.539	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	101.405.000	-	145.331.000	-
Phải thu khác	46.193.897	-	46.193.897	-
Cộng	6.701.739.036	-	6.104.671.436	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.091.098.000	-	2.091.098.000	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 508	57.338.000	-	3 năm	57.338.000	-	3 năm
TT QLKT CT Công cộng Huyện Đạtẻh	2.033.760.000	-	3 năm	2.033.760.000	-	3 năm
Cộng	2.091.098.000	-		2.091.098.000	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.591.596.387	-	6.240.665.199	-
Hàng hóa	2.043.292.540	-	2.077.988.440	-
Cộng	7.634.888.927	-	8.318.653.639	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	83.923.804.611	9.158.829.728	82.000.000	93.164.634.339
Mua trong kỳ	3.392.677.273	-	-	3.392.677.273
Thanh lý, nhượng bán	(442.857.143)	-	-	(442.857.143)
Tại ngày 30/06/2022	86.873.624.741	9.158.829.728	82.000.000	96.114.454.469
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	74.246.239.147	7.428.426.740	2.885.185	81.677.551.072
Khấu hao trong kỳ	2.045.414.690	435.469.314	13.666.668	2.494.550.672
Thanh lý, nhượng bán	(442.857.143)	-	-	(442.857.143)
Tại ngày 30/06/2022	75.848.796.694	7.863.896.054	16.551.853	83.729.244.601
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	9.677.565.464	1.730.402.988	79.114.815	11.487.083.267
Tại ngày 30/06/2022	11.024.828.047	1.294.933.674	65.448.147	12.385.209.868

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.428.890.834 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.28	-	-	2.824.908.448	2.824.908.448
Phải trả cho người bán:				
Công ty CPĐT & XD Công trình Tây Đô	2.780.603.941	2.780.603.941	3.094.603.941	3.094.603.941
Công ty TNHH Kiến Giang	884.187.000	884.187.000	550.044.000	550.044.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.549.006.252	6.549.006.252	23.334.070.928	23.334.070.928
Cộng	10.213.797.193	10.213.797.193	29.803.627.317	29.803.627.317

(*) Tại ngày 30/06/2022, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng (*)	79.134.880.413	92.035.264.999
TT QL khai thác Công trình CC huyện Lâm Hà (**)	38.925.055.243	39.200.000.000
Các khách hàng khác	8.924.720.611	12.104.091.763
Cộng	126.984.656.267	143.339.356.762

(*) Người mua trả tiền trước từ BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(**) Người mua trả tiền trước từ TT QL khai thác Công trình CC huyện Lâm Hà liên quan đến công trình đập Đông Thanh Lâm Hà theo Hợp đồng số 222/HĐ-TCXD ngày 23 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	218.776.459	5.277.367.130	4.947.138.791	111.451.880	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	220.027.815	266.701.129	442.264.823	-	395.591.509
Thuế thu nhập cá nhân	-	135.510.317	668.191.150	1.959.103.670	-	1.426.422.837
Các loại thuế khác	-	-	148.005.240	148.005.240	-	-
Cộng	-	574.314.591	6.360.264.649	7.496.512.524	111.451.880	1.822.014.346

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là giá vốn công trình đã ghi nhận doanh thu trong kỳ được trích trước tại ngày 30/06/2022.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	78.712.633	51.334.033
Các khoản phải trả, phải nộp khác	197.636.485	393.567.485
Cộng	276.349.118	444.901.518

4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đây là khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất ngân hàng (6,5%/năm) và không đảm bảo bằng tài sản.

4.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công đến 30/6/2022 với mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công và không vượt quá 5% theo quy định của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	60.571.657.587	21.365.089.203	174.989.454.970
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	12.391.077.153	12.391.077.153
Trích quỹ đầu tư phát triển theo số Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ21-LHC	-	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ21-LHC	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(865.089.203)	(865.089.203)
Tại ngày 30/06/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	12.391.077.153	168.515.442.920
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	12.529.226.836,00	12.529.226.836
Chia cổ tức theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT/LHC ngày 08/09/2021	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	10.520.303.989	166.644.669.756
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	7.360.589.558	7.360.589.558
Trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 22/04/2022	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Chia cổ tức theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 22/04/2022	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(320.303.989)	(320.303.989)
Tại ngày 30/06/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	66.071.657.587	7.360.589.558	166.484.955.325

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vốn góp của các cổ đông	72.000.000.000	72.000.000.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.200.000	7.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(7.200.000.000)	(18.000.000.000)

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2022	63.071.657.587
Trích trong kỳ	3.000.000.000
Tại ngày 30/06/2022	66.071.657.587

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	64.601.262.364	39.200.637.621
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	3.942.540.183	2.375.594.779

Doanh thu kỳ này tăng 65% so với cùng kỳ năm trước là do các công trình lớn của năm trước được nghiệm thu trong kỳ và phát sinh thêm nhiều công trình mới như: Đập Đông Thanh Lâm Hà, Công trình Vàm Cỏ Đông Gói 19 Tây Ninh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	60.173.459.176	31.678.303.117

Giá vốn hàng bán tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do giá nguyên liệu đầu vào trên thị trường như đất, đá, cát tăng. Ngoài ra, chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu tăng theo tình hình chung của thế giới.

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	447.820.799	411.329.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm Mục 4.28	6.490.086.000	8.693.286.000
Cộng	6.937.906.799	9.104.615.135

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	27.070.000	37.610.675
Chi phí tài chính khác	13.690.970	13.690.970
Cộng	40.760.970	51.301.645

4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	995.631.899	3.052.040.743
Chi phí vật liệu quản lý	82.251.246	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	520.246.834	456.196.728
Thuế, phí và lệ phí	21.518.519	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.284.181.205	1.225.043.908
Cộng	3.903.829.703	4.736.281.379

4.22. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	180.000.000	454.545.455
Bán đất đai	60.867.273	843.309.998
Thu nhập khác	-	701.188.322
Cộng	240.867.273	1.999.043.775

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn từ bán đất thải	34.695.900	480.684.800

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.748.912.966	35.544.352.074
Chi phí nhân công	6.451.987.021	7.620.560.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.515.278.086	2.268.414.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.936.306.622	4.605.187.452
Chi phí khác bằng tiền	2.775.735.372	768.229.826
Cộng	63.428.220.067	50.806.743.687

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	7.627.290.687	13.357.725.590
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	196.300.958	168.802.595
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(6.490.086.000)	(8.693.286.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.333.505.645	4.833.242.185
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	266.701.129	966.648.437

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định là xe ô tô có nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	410.000.000	1.439.116.842

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.193.000.000)	(390.000.000)

4.28. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>30/06/2022</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	8.889.322.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	653.935.000	1.397.018.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	<u>653.935.000</u>	<u>10.286.340.454</u>
	<u>Tại ngày</u> <u>30/06/2022</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	19.997.674.457	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	19.279.212.098	15.737.757.331
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	<u>39.276.886.555</u>	<u>15.737.757.331</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu từ thanh lý tài sản:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	194.400.000	-
Tạm ứng:		
Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc	4.742.258.139	5.813.146.539
Kim Ngọc Đăng - Phó Tổng Giám đốc	267.482.000	100.000.000
Trần Đại Hiền - Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm ngày 20/01/2022	1.350.000.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	6.554.140.139	5.913.146.539
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9 :		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	(2.824.908.448)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	3.686.959.628	461.353.870
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	255.580.555	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	-	1.914.240.909
Cộng – Xem thêm Mục 4.17	3.942.540.183	2.375.594.779
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	8.040.453.451	7.202.519.993
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	-	5.281.365.436
Cộng	8.040.453.451	12.483.885.429

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	1.000.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuê văn phòng:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	150.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	180.000.000	454.545.455
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tạm ứng mua thiết bị thi công công trình:		
Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000	100.0000.0000
Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.		
Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.		
Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	6.490.086.000	6.490.086.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	-	2.203.200.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cộng – Xem thêm Mục 4.19	6.490.086.000	8.693.286.000

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	361.000.000	530.500.000
Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	169.000.000
Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	140.000.000
Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	140.000.000
Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	165.000.000
Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT	45.000.000	10.000.000
Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Phan Công Ngôn – Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Cộng	496.000.000	1.184.500.000

Thù lao của Hội đồng quản trị kỳ này giảm đáng kể là do nhiều thành viên đã miễn nhiệm và kỳ trước có quyết định tăng thêm thù lao Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020 do vượt lợi nhuận kế hoạch theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ21-LHC ngày 25 tháng 04 năm 2021.

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	241.000.000	240.500.000
Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc	151.000.000	150.500.000
Trần Đại Hiền - Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm ngày 20/01/2022	126.000.000	-
Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng	151.000.000	150.500.000
Cộng	669.000.000	541.500.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	536.000.000	1.340.000.000
Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	87.000.000
Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	180.000.000
Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT	224.600.000	-
Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	70.000.000	-
Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT	10.500.000	-
Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	45.800.000	114.500.000
Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc	33.000.000	82.500.000
Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng	15.500.000	265.000.000
Cộng	935.400.000	2.069.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Thu nhập Ban kiểm soát**

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	10.000.000
Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	4.000.000
Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	24.000.000
Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	-	8.000.000
Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	-	8.000.000
Cộng	54.000.000	54.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	95.000.000	335.000.000
Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	155.800.000	427.000.000
Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	78.090.000	128.000.000
Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	-	35.000.000
Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	-	110.000.000
Cộng	328.890.000	1.035.000.000

4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Hâu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu